

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/DS-ST
Ngày: 29/6/2022
*Về việc tranh chấp
hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Đang**
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Thanh Tuấn**
2. Bà **Nguyễn Hồng Lành**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngân** - Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long: Bà **Lý Thị Nhiên** là
Kiểm sát viên

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước
Long xét xử công khai vụ án thụ lý số: 126/2021/TLST-DS ngày 30 tháng 12
năm 2021, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, Quyết định đưa vụ án ra
xét xử số: 88/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn
phiên tòa số: 88/2022/QĐST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2022 và Thông báo thay
đổi ngày xét xử số 77/2022/TB-TA ngày 06 tháng 6 năm 2022, giữa các đương
sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần V**. Địa chỉ: Số 9 đường
Đ, phường P, quận Q, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đỗ Th Tr** – Chức vụ: Phó Giám đốc
khối Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ - VPBank hội sở. Địa chỉ liên hệ: số 9
đường Đ, phường B, quận Q, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông **Huỳnh M Tr** – Chức vụ: Chuyên
viên xử lý nợ. Địa chỉ: số 9 đường Đ, phường B, quận Q, thành phố H.

Bị đơn: Chị **Văn Th Đ** – sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện H,
tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V trình bày: Chị Văn Th Đ đã thực hiện ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V các khoản vay sau đây:

+ Khoản vay thứ nhất: Vào ngày 11 tháng 12 năm 2017 chị Đ và Ngân hàng Thương mại Cổ phần V cùng nhau ký Hợp đồng cho vay số: LN1711160320693/CLN/HDTD. Nội dung của hợp đồng là cho chị Đ vay số tiền gốc 640.000.000đ; Mục đích vay là đầu tư tài sản cố định, xe ô tô thùng kín Inox; Hiệu Isuzu; Số loại NQR75M mới 100%; Thời hạn vay là 72 tháng từ ngày 11 tháng 12 năm 2017 đến 11 tháng 12 năm 2026; Phương thức thanh toán là trả gốc phân kỳ 8.889.000đ/kỳ và lãi hàng tháng trên số tiền nợ gốc. Chị Đ thực hiện trả nợ theo kỳ. Kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2020 chị Đ không trả nợ gốc và tiền lãi như thỏa thuận với Ngân hàng, nên nợ chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 15 tháng 6 năm 2020. Ngân hàng yêu cầu chị Đ trả Ngân hàng số tiền nợ gốc là 300.662.237đ và tiền lãi tính đến ngày 18 tháng 02 năm 2022 là 103.904.744đ.

Trường hợp chị Đ không thực hiện trả nợ, hoặc trả nợ không đầy đủ, Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản mà chị Đ đã thế chấp tại hợp đồng thế chấp số: LN1711160320693/CLN/HĐTC ngày 11 tháng 12 năm 2017 là 01 chiếc xe Ô tô tải, nhãn hiệu Isuzu, số loại NQR75M, số khung R75MH7100146, số máy 4HK1600841, biển số xe 94C – 037.68 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của chị Văn Th Đ, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006485 do Phòng cảnh sát Giao thông Công an Tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 06 tháng 12 năm 2017. Chứng nhận đăng ký giao dịch đảm bảo, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án số 1271792693 hiệu lực đăng ký vào ngày 11 tháng 12 năm 2017 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

+ Khoản vay thứ hai: Vào ngày 17 tháng 9 năm 2018 chị Đ tiếp tục xác lập giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử để vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 200.000.000 đồng. Mục đích vay vốn là phục vụ nhu cầu đời sống; Thời hạn vay là 60 tháng từ ngày 18 tháng 09 năm 2018 đến ngày 18 tháng 9 năm 2023; Phương thức thanh toán là trả gốc phân kỳ và lãi hàng tháng. Ngày 15 tháng 6 năm 2020 chị Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ nợ chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng yêu cầu chị Đ trả nợ gốc là 137.048.705đ và tiền lãi tính đến ngày 18 tháng 02 năm 2022 là 71.182.916đ.

* Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền lại của Ngân hàng trình bày:

+ Thực tế món vay không thế chấp tài sản chị Đ còn nợ Ngân hàng số tiền 145.466.284đ nhưng do cán bộ làm đơn khởi kiện nhầm và không kiểm tra trong khâu đánh máy, nên thể hiện nợ gốc là 137.048.705đ. Đây là sơ xuất của, nên Ngân hàng chỉ yêu cầu chị Đ trả tiền nợ gốc của khoản vay không thế chấp là

137.048.705đ và tiền lãi đến ngày 29/6/2022 là 74.425.046đ, trả gốc khoản vay thế chấp là 300.662.237đ, tiền lãi đến ngày 29 tháng 6 năm 2022 là 115.696.823đ; Đồng thời yêu cầu trả tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm đến khi chị Đ trả xong nợ Ngân hàng.

+ Giữ nguyên yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

+ Đối với số tiền nợ gốc 8.717.579đ và tiền lãi trên số tiền nợ gốc của khoản vay không thế chấp tài sản Ngân hàng không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, Ngân hàng sẽ khởi kiện sau khi thấy cần thiết.

- Bị đơn Văn Th Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng đều vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do; Chị Đ không có đơn đề nghị vắng mặt, cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng đối với chị Đ.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn Văn Th Đ chưa chấp hành quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc chị Văn Th Đ trả tiền nợ gốc là 437.710.942đ, tiền lãi tính đến ngày 18 tháng 02 năm 2022 là 175.087.660đ và tiền lãi phát sinh đến khi chị Đ trả hết nợ.

- Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng đối với số tiền nợ gốc là 8.717.570đ.

- Trường hợp chị Đ không thực hiện trả nợ, hoặc trả nợ không đầy đủ, Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản mà chị Đ đã thế chấp tại hợp đồng thế chấp số: LN1711160320693/CLN/HĐTC ngày 11 tháng 12 năm 2017 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

- Các đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V khởi kiện yêu cầu chị Văn Th Đ trả số tiền vay còn nợ, đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, chị Đ có địa chỉ cư trú trên địa bàn huyện H nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Bị đơn Văn Th Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Đ là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét các hợp đồng các bên đã ký kết:

3.1. Đối với hợp đồng vay tiền thứ nhất:

- Chị Văn Th Đ đã cùng Ngân hàng Thương mại Cổ phần V ký Hợp đồng cho vay số: LN1711160320693/CLN/HDTD vào ngày 11 tháng 12 năm 2017 để chị Đ vay là 640.000.000đ. Khi vay tiền các bên thỏa thuận việc trả nợ gốc và tiền lãi theo phương thức định kỳ hàng tháng trong thời hạn 72 tháng.

- Chị Đ đã nhận tiền vay xong và thực hiện hợp đồng như đã thỏa thuận, nhưng đến ngày 15 tháng 6 năm 2020 chị Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng, nên việc Ngân hàng cho rằng chị Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ và khởi kiện ra Tòa án yêu cầu chị Đ trả toàn bộ nợ gốc và tiền lãi là phù hợp với thỏa thuận của các bên thể hiện tại Hợp đồng cho vay mà các bên đã ký kết. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng, buộc chị Đ trả Ngân hàng số tiền nợ gốc là 300.662.237đ.

- Xét yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: Do chị Đ đã ký hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo cho việc trả nợ tại hợp đồng vay tiền nêu trên. Nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của chị Đ để thu hồi nợ cho Ngân hàng đối với tài sản thế chấp tại hợp đồng thế chấp tài sản số: LN1711160320693/CLN/HĐTC ngày 11 tháng 12 năm 2017 là 01 chiếc xe Ô tô tải, nhãn hiệu Isuzu, số loại NQR75M, số khung R75MH7100146, số máy 4HK1600841, biển số xe 94C – 037.68 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của chị Văn Th Đ, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006485 do Phòng cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 06/12/2017. Chứng nhận đăng ký giao dịch đảm bảo, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án số 1271792693 hiệu lực đăng ký vào hồi 13 giờ 38 phút, ngày 11/12/2017 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Xét hợp đồng vay tiền thứ hai:

- Về số tiền nợ gốc: Ngày 17 tháng 9 năm 2018 chị Văn Th Đ đã Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở thẻ và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử để vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 200.000.000đ. Khi vay tiền các bên thỏa thuận việc trả nợ gốc và tiền lãi theo phương thức định kỳ hàng tháng trong thời hạn 60 tháng.

- Chị Đ đã nhận tiền vay xong và thực hiện hợp đồng như đã thỏa thuận. Đến ngày 15 tháng 6 năm 2020 chị Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng, nên việc Ngân hàng cho rằng chị Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ và khởi kiện ra Tòa án yêu cầu chị Đ trả toàn bộ nợ gốc và tiền lãi là phù hợp với thỏa thuận của các bên khi ký kết hợp đồng vay, nên yêu cầu của Ngân hàng đối với chị Đ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về số tiền nợ gốc mà chị Đ phải trả: Tại đơn khởi kiện và tại phiên họp công khai chứng đều thể hiện chị Đ còn nợ gốc là 137.048.705đ. Tại phiên tòa người đại diện Ngân hàng xác định nợ gốc là 145.466.284đ nhưng do cán bộ làm đơn khởi kiện nhầm và không kiểm tra trong khâu đánh máy, nên thể hiện

nợ gốc là 137.048.705đ. Nay Ngân hàng chỉ yêu cầu trả nợ gốc 137.048.705đ, không yêu cầu đối với số tiền vay là 8.717.570đ của khoản vay không thế chấp tài sản. Xét thấy người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn xác định không yêu cầu chị Đ trả số tiền nợ gốc 8.717.570đ, nhưng theo văn bản ủy quyền thì người đại diện theo ủy quyền lại không có quyền rút yêu cầu khởi kiện, nên việc nguyên đơn xác định không yêu cầu mà cũng không rút yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với số tiền 8.717.570đ.

[4] Về yêu cầu tính tiền lãi: Do tại bảng tính lãi do người đại diện theo ủy quyền lại của Ngân hàng cung cấp có ký xác nhận, đóng dấu của người đại diện hợp pháp của Ngân hàng và trình bày tại phiên tòa về số tiền lãi không thống nhất. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 18 tháng 02 năm 2022 đã được thông báo công khai đến các đương sự để tính tiền lãi phải trả và tiền lãi phát sinh từ ngày 19 tháng 02 năm 2022 theo mức lãi suất mà chị Đ đã ký với Ngân hàng tại hợp đồng cho vay ngày 11 tháng 12 năm 2012 và ngày 17 tháng 9 năm 2018.

[5] Từ nhận định nêu trên Hội đồng xét xử đủ căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

5.1. Buộc chị Văn T Đ trả Ngân hàng số tiền nợ gốc của khoản vay thế chấp tài sản là 300.662.237đ, tiền lãi đến ngày 18 tháng 02 năm 2022 là 103.904.744đ và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2022 đến khi chị Đào trả hết nợ cho Ngân hàng, theo mức lãi suất thể hiện tại hợp đồng vay số: LN1711160320693/CLN/HDTD vào ngày 11 tháng 12 năm 2017.

Trường hợp chị Đ không thực hiện trả nợ, hoặc trả nợ không đầy đủ, Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản mà chị Đ đã thế chấp tại hợp đồng thế chấp số: LN1711160320693/CLN/HĐTC ngày 11 tháng 12 năm 2017 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

5.2. Buộc chị Văn Th Đ trả Ngân hàng số tiền nợ gốc của khoản vay không thế chấp tài sản là 137.048.705đ, tiền lãi đến ngày 18 tháng 02 năm 2022 là 71.182.916 đ và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2022 đến khi chị Đ trả hết nợ cho Ngân hàng, theo mức lãi suất thể hiện tại Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở thẻ và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 17 tháng 9 năm 2018.

5.3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với số tiền nợ gốc của khoản vay không thế chấp tài sản là 8.717.570đ.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

6.1. Buộc chị Đ chịu án phí đối với nghĩa vụ trả nợ là 28.512.000đ.

6.2. Buộc Ngân hàng chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là 436.000đ. Ngân hàng đã nộp tạm ứng án phí số tiền 13.699.000đ, chuyển sang thu án phí 436.000đ, Ngân hàng được nhận lại số tiền 13.263.000đ.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Điều 5; Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 244, 271, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 91; Điều 95; điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Án lệ số: 08/2016/AL ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao được công bố theo Quyết định số: 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về tính lỗi trong giai đoạn thi hành án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V. Buộc chị Văn Th Đ có nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V hai khoản nợ sau:

1.1. Buộc chị Đ trả khoản nợ thứ nhất với số tiền nợ gốc là 300.662.237đ, tiền lãi tính đến ngày 18 tháng 02 năm 2022 là 103.904.744đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 19 tháng 02 năm 2022 đến khi chị Đ trả xong nợ, theo mức lãi suất thể hiện tại hợp đồng số: LN1711160320693/CLN/HDTD ngày 11 tháng 12 năm 2017 mà chị Đ đã ký kết với Ngân hàng.

Trường hợp chị Đ không trả nợ hoặc trả không đầy đủ, Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng đối với tài sản thế chấp tại hợp đồng thế chấp số: LN1711160320693/CLN/HĐTC ngày 11 tháng 12 năm 2017 là 01 chiếc xe Ô tô tải, nhãn hiệu Isuzu, số loại NQR75M, số khung R75MH7100146, số máy 4HK1600841, biển số xe 94C – 037.68 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Bà Văn Th Đ theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006485 do Phòng cảnh sát Giao thông Công an Tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 06/12/2017.

1.2. Buộc chị Đ trả khoản nợ thứ hai với số tiền nợ gốc là 137.048.705đ, tiền lãi tính đến ngày 18 tháng 02 năm 2022 là 71.182.916đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 19 tháng 02 năm 2022 đến khi chị Đ trả xong nợ, theo mức lãi suất thể hiện tại Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện từ ngày 17 tháng 9 năm 2018 mà chị Đ đã ký kết với Ngân hàng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với số tiền 8.717.570đ của khoản vay ngày 17 tháng 9 năm 2018.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc chị Văn Th Đ chịu án phí đối với nghĩa vụ trả nợ với số tiền 28.512.000đ.

- Buộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần V chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là 436.000đ. Ngân hàng đã nộp tạm ứng án phí số tiền 13.699.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004933 ngày 29 tháng 12 năm 2021, chuyển sang thu án phí 436.000đ, Ngân hàng được nhận lại số tiền 13.263.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long.

4. *Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.*

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Phước Long;
- THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Đang